

Thứ ba, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Vietnam Daily Review

Trở lại vượt ngưỡng 1185

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 31/3/2021		•	
Tuần 29/3-2/4/2021		•	
Tháng 3/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex tăng dần từ đầu phiên sáng đến cuối phiên chiều và hiện đã vượt trở lại ngưỡng 1185. Trên thị trường, dòng tiền đầu tư suy giảm nhưng vẫn có 13/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại duy trì trạng thái bán ròng trên sàn HSX nhưng đã mua ròng trở lại trên sàn HNX. Ngoài ra, độ rộng thị trường duy trì trạng thái tích cực với thanh khoản gia tăng so với phiên trước. Tuy vậy, ngưỡng 1190 đang là vùng cản của chỉ số trong ngắn hạn nên có thể thị trường sẽ vận động giằng co trong khu vực 1180-1190 vào phiên kế tiếp.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2109, các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 30/3/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Phân tích kỹ thuật: GMD_Tích cực (Trang 3)

Cập nhật REE (Trang 6)

Điểm nhấn

- VN-Index **+10.68** điểm, đóng cửa **1186.36**. HNX-Index **+4.98** điểm, đóng cửa **281.14**.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+3.87); MSN (+0.93); VIB (+0.74); STB (+0.66); SSB (+0.58)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-0.58); VRE (-0.18); MWG (-0.11); DGC (-0.08); HVN (-0.07)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **14,532** tỷ đồng, **+19.22%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 16,948 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 14.44 điểm. Thị trường có **270** mã tăng, 69 mã tham chiếu và **165** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-286.96** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VCB (-166.4 tỷ), VHM (-132.2 tỷ) và VRE (-88.7 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **76.67** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

kanhqv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1186.36**
Giá trị: 14532.4 tỷ **10.68 (0.91%)**
Khối ngoại (ròng): -286.96 tỷ

HNX-INDEX **281.14**
Giá trị: 2711.28 tỷ **4.98 (1.8%)**
Khối ngoại (ròng): 76.67 tỷ

UPCOM-INDEX **80.63**
Giá trị: 1165.4 tỷ **0.11 (0.14%)**
Khối ngoại(ròng): 13.74 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	61.4	-0.31%
Giá vàng	1,699	-0.75%
Tỷ giá USD/VND	23,071	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	27,214	0.25%
Tỷ giá JPY/VND	20,921	-0.42%
LS liên NH 1 tháng	0.7%	24.72%
LS TPCP 5 năm	1.2%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	153.6	VCB	-166.4
STB	72.4	VHM	-132.2
GEX	65.1	VRE	-88.7
VND	28.3	CTG	-78.8
HPG	21.8	GAS	-60.1
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cập nhật REE	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

Cập nhật giá cả hàng hóa chiều 30/3

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	61.44	-0.19%	6.40%	0.30%	71.81%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	64.90	-0.12%	6.80%	0.70%	61.16%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	199.39	-0.07%	5.10%	2.20%	105.13%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1697.53	-0.86%	-1.70%	-2.10%	0.82%		PNJ
Bạc	USD/ounce	24.47	-0.74%	-2.30%	-8.20%	58.58%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1388.00	-0.36%	-2.50%	-1.20%	63.34%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	612.00	-0.77%	-3.60%	-7.30%	7.09%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.18	0.00%	-0.40%	-2.30%	8.23%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	223.78	-0.98%	-7.10%	-13.50%		DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.99	0.47%	-2.90%	-8.90%	31.49%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	127.05	-1.13%	-2.30%	-9.30%	5.17%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	8865.00	-1.08%	-2.70%	-5.80%	85.87%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	755.60	-0.13%	4.40%	4.70%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC	USD/ton	814.77	1.25%	4.00%	7.90%			
Nhôm	USD/ton	2266.00	-1.39%	-0.30%	1.40%	48.06%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	166.58	-1.23%	6.00%	-5.60%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	93.00	-2.52%	-5.50%	16.30%	38.91%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Brent giảm 0.21 USD, hay 0.3%, xuống 65.19 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI tăng 0.19 USD, hay 0.3%, lên 61.75 USD/thùng. HĐTL vận động tích lũy chủ yếu do giao dịch thận trọng trước cuộc họp OPEC+ ngày 1/4, với kỳ vọng mở rộng thời gian hạn chế cung dầu tới hết tháng 6, khi dịch bệnh leo thang. Tuyến hàng hóa qua kênh Suez thành công khôi phục vận tải khi hoàn tất việc cứu hộ tàu Ever Given.

Giá vàng

• Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.4% xuống 1,7205.25 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 4/2021 trên sàn New York giảm 0.4% xuống 1,707.80 USD. Vàng giảm chủ yếu bởi trị giá USD tăng.

	30/3	% 30/3	29/3	% 29/3	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1186.36	0.91%	1175.68	1.16%	0.25%	1.53%
S&P 500			3971.09	-0.09%	0.77%	3.70%
HĐTL S&P500	3956.50	-0.06%	3958.90	-0.15%	1.45%	4.14%
Shang- hai	3456.68	0.62%	3435.30	0.50%	1.32%	-1.49%
Euro Stoxx	3902.22	0.50%	3882.87	0.42%	1.96%	7.31%

Phân tích kỹ thuật

GMD_Tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: RSI ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: GMD đang ở trong trạng thái tăng giá sau khi điều chỉnh ngắn hạn về quanh khu vực 32.5. Thanh khoản tăng cao trong phiên hôm nay đã đẩy giá cổ phiếu đóng cửa tăng 2.6%. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Đường MACD vừa cắt lên trên đường tín hiệu đồng thời chỉ báo động lượng RSI vẫn chưa đi vào vùng quá mua nên cổ phiếu có tiềm năng duy trì đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của GMD nằm tại khu vực xung quanh 32.5. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 37.3, cắt lỗ nếu ngưỡng 31.6 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

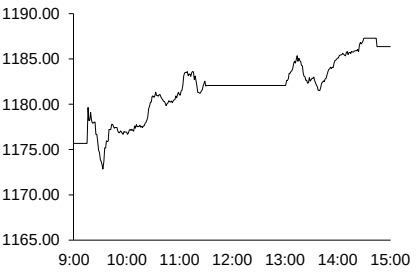
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	-1.74%
Công nghệ Thông tin	-0.55%
Bán lẻ	-0.43%
Du lịch và Giải trí	-0.13%
Y tế	-0.04%
Viễn thông	0.00%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.15%
Dầu khí	0.32%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.34%
Tài nguyên Cơ bản	0.50%
Hóa chất	0.58%
Xây dựng và Vật liệu	0.63%
Thực phẩm và đồ uống	0.81%
Bảo hiểm	0.86%
Dịch vụ tài chính	1.03%
Ô tô và phụ tùng	1.04%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.13%
Ngân hàng	1.26%
Bất động sản	1.36%

Hình 1

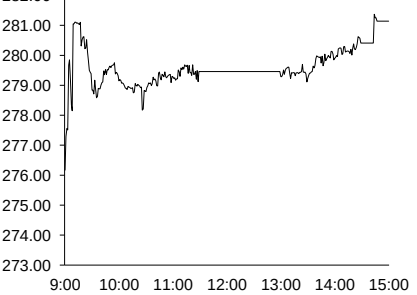
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

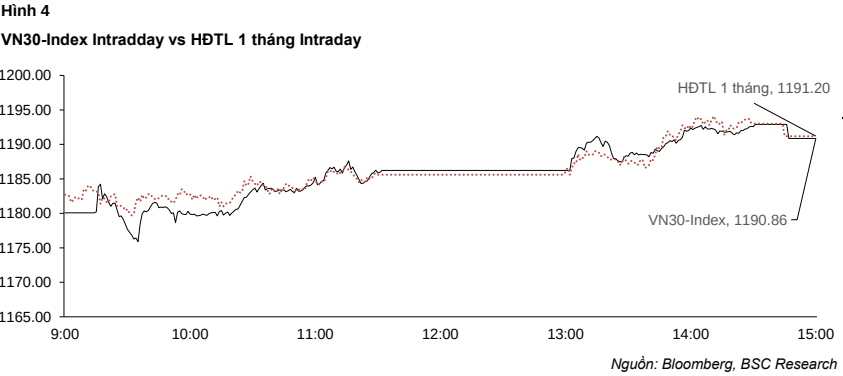
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
3/29/2021	CII	25.55	28.5	22.5	25.6	1	0.20%	Có thể tiếp tục mua
3/26/2021	EVG	11.2	16	9.5	12.75	4	13.84%	Có thể tiếp tục mua
3/25/2021	VPH	5.88	6.8	5.3	5.63	5	-4.25%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/24/2021	SSN	7.4	10	6	8.6	6	16.22%	Có thể tiếp tục mua
3/23/2021	PWA	14.4	15.8	12.8	13.8	7	-4.17%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/19/2021	BVH	61	67.1	55.8	60	11	-1.64%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
3/18/2021	DRC	28.55	32	27	28.9	12	1.23%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/17/2021	FRT	30.25	36	28	30.25	13	0.00%	Có thể tiếp tục mua
3/11/2021	STB	19.3	21.7	18	20.5	19	6.22%	Có thể tiếp tục mua
3/9/2021	LDG	7.72	8.5	7.26	7.94	21	2.85%	Có thể tiếp tục mua
3/4/2021	GEX	22.95	25	21	24	26	4.58%	Có thể tiếp tục mua
2/24/2021	SHS	26.7	32	22.8	28.5	34	6.74%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/22/2021	BCG	14.2	19.5	11.8	14.9	36	4.93%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/9/2021	KBC	38.6	46	35	38.6	49	0.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/3/2021	NVL	83	97	73.9	80.7	55	-2.77%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/1/2021	DDG	31	34	29.4	32.6	57	5.16%	Có thể tiếp tục mua
1/27/2021	VNP	9.6	11.3	8.1	9.8	62	2.08%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
3/22/2021	AMV	13.4	14.8	12	SL	4	-10.45%
3/16/2021	FIR	26.7	29.4	25.5	SL	9	-4.49%
3/15/2021	ITA	7.17	8.75	6.7	SL	11	-6.56%
3/12/2021	SHB	17.7	19.8	16.3	TP	6	11.86%
3/10/2021	VCI	57.4	65.3	52.7	TP	9	13.76%
3/8/2021	CMX	16.95	18.65	15.85	SL	15	-6.49%
3/5/2021	POW	13.45	16	12.5	SL	21	-7.06%
3/3/2021	LAS	9.9	12	8.5	FS	14	13.13%
3/2/2021	LHG	35.6	40	33.8	SL	20	-5.06%
3/1/2021	FCN	12.9	16	12	FS	14	14.34%
2/26/2021	VCS	86.2	95	79.8	TP	28	10.21%
2/25/2021	HVN	29	32	27	TP	5	10.34%
2/23/2021	PVB	19.1	21.3	17.3	TP	10	11.52%
2/19/2021	HNG	12.5	14.5	11.5	SL	5	-8.00%
2/18/2021	SSI	33.3	49.5	29.7	SL	36	-10.81%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	13	4	4.93%	-3.21%	3.01%	25
Cổ phiếu đã chốt	121	64	13.17%	-8.04%	5.83%	28

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2104	1191.20	0.69%	0.34	-21.6%	130,595	4/15/2021	18
VN30F2105	1191.90	-0.06%	1.04	-24.4%	239	5/20/2021	53
VN30F2106	1190.90	0.59%	0.04	-91.1%	51	6/17/2021	81
VN30F2109	1190.20	-2.20%	-0.66	75.4%	121	9/16/2021	172

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +10.79 điểm, lên 1190.86 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VIC, STB, TCB, MSN, VPB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giằng co quanh 1180 điểm đầu phiên sáng, trước khi giành phần lớn thời gian giao dịch còn lại tăng tích cực lên trên 1190 điểm. VN30 có thể vận động tăng lên quanh 1210 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Ngoại trừ VN30F2109, các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2104 và VN30F2109 đang tăng, trong khi VN30F2105 và VN30F2106 đang giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2106, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CSTB2102	6/4/2021	66	1:1	559,000	40.09%	2,000	4,630	39.04%	3,036	1.53	20,000	18,000	20,500
CSTB2017	4/26/2021	27	1:1	298,500	40.09%	2,680	5,200	26.83%	5,256	0.99	17,980	15,300	20,500
CSTB2016	5/4/2021	35	2:1	559,500	40.09%	1,200	3,450	23.21%	3,212	1.07	16,541	14,141	20,500
CSTB2014	6/14/2021	76	1:1	725,500	40.09%	3,800	8,880	17.15%	8,619	1.03	15,800	12,000	20,500
CSTB2103	8/9/2021	132	2:1	952,800	40.09%	1,400	2,950	16.60%	1,782	1.66	20,800	18,000	20,500
CSTB2010	6/11/2021	73	2:1	500,600	40.09%	1,100	4,600	16.46%	4,308	1.07	14,199	11,999	20,500
CSTB2007	4/27/2021	28	2:1	1,399,500	40.09%	1,500	4,810	15.63%	4,792	1.00	13,999	10,999	20,500
CSTB2012	4/1/2021	2	1:1	358,000	40.09%	2,500	6,650	10.83%	7,503	0.89	15,500	13,000	20,500
CNVL2003	6/11/2021	73	10:1	1,050,600	23.51%	1,000	2,190	8.96%	1,735	1.26	73,979	63,979	80,700
CTCB2101	10/5/2021	189	1:1	122,500	35.33%	5,000	13,400	6.77%	2,709	4.95	36,000	31,000	40,050
CVIC2006	4/1/2021	2	10:1	983,000	30.14%	1,700	2,600	4.84%	3,002	0.87	104,000	87,000	117,000
CHDB2007	4/27/2021	28	5:1	861,200	33.51%	1,300	3,120	2.30%	86	36.35	20,771	16,831	26,200
CTCB2103	8/9/2021	132	2:1	348,100	35.33%	2,900	5,500	1.85%	3,194	1.72	41,300	35,500	40,050
CTCB2012	7/30/2021	122	1:1	102,400	35.33%	5,400	18,800	1.57%	18,399	1.02	27,400	22,000	40,050
CMBB2010	6/14/2021	76	1:1	400,600	33.63%	4,600	12,820	1.50%	12,458	1.03	20,600	16,000	28,300
CTCB2010	4/1/2021	2	2:1	179,300	35.33%	2,000	9,030	0.67%	9,278	0.97	25,500	21,500	40,050
CHPG2021	4/1/2021	2	2:1	226,900	32.80%	2,400	10,260	0.59%	10,728	0.96	29,800	25,000	46,450
CVHM2009	4/1/2021	2	10:1	503,000	30.81%	1,400	2,350	-1.26%	2,432	0.97	86,000	72,000	96,300
CSBT2007	4/27/2021	28	2:1	602,600	42.28%	1,700	3,560	-1.66%	3,130	1.14	18,788	15,495	22,200
Tổng				10,733,600	36.25%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất				CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
				**Trung bình độ lệch chuẩn				*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 30/3/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.
- CSTB2102 và CMSN2012 tăng mạnh lần lượt là 39.04% và 30.00%. Giá trị giao dịch tăng 47.52%. CSTB2007 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.63% thị trường.
- CVIC2006, CSTB2012, CFPT2014, CHPG2025, và CHPG2021 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVPB2013, CMSN2012, và CHPG2025 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CHPG2020, CHPG2014, và CVPB2015 là những chứng quyền tích cực nhất xét lãi.

CTCP CƠ ĐIỆN LẠNH (Khả quan): KẾ HOẠCH KINH DOANH TÍCH CỰC

Mã cổ phiếu: REE (HSX), Vốn hóa: 16,689 tỷ, Số lượng cổ phiếu lưu hành: 310.1 triệu cổ phiếu, Giá thị trường: 54,300 VND, Sở hữu nước ngoài: 49.00%

Chuyên viên phân tích: Phạm Nguyên Long

Kế hoạch kinh doanh năm 2021: Công ty đặt doanh thu và lợi nhuận sau thuế kế hoạch lần lượt là 6,934 tỷ (+24.5% YoY) và 1,769 tỷ (+8.7% YoY). Ngoài ra, REE dự kiến không chia cổ tức năm 2020-2021 để đầu tư vào các dự án điện, nước và BĐS trong các năm tới.

Cập nhật các dự án đầu tư

a. Dự án Thượng Kon Tum:

Tiến độ: Cả 2 tổ máy của thủy điện Thượng Kon Tum (220 MW) dự kiến sẽ lần lượt phát điện thương mại vào ngày 2/4 và ngày 8/4. Giá mua bán điện với EVN tương đối thấp (912 VNĐ/kWh) do dựa trên suất đầu tư ban đầu. Giá bán điện dự kiến sẽ được đàm phán lại với EVN với mức giá tối đa 1,200 VNĐ/kWh sau khi đã có suất đầu tư mới và dự kiến có hiệu lực từ tháng 8.

b. Dự án Văn phòng cho thuê Etown 6

Tiến độ: Dự án Etown 6 có diện tích cho thuê khoảng 40,000 m2 (tổng mức đầu tư khoảng 1,700 tỷ VNĐ) hiện đã hoàn thành thiết kế kỹ thuật và thiết kế xây dựng. Dự án dự kiến sẽ bắt đầu xây dựng trong năm 2021 và hoàn thành vào Quý 1/2023. Doanh thu cho thuê văn phòng dự kiến vào khoảng 230 tỷ VNĐ với giá cho thuê trung bình 20 USD/m2.

c. Dự án điện gió gần bờ Trà Vinh số 3 (GD 1 và 2)

Tiến độ: Hiện REE đang thực hiện thi công trạm biến áp và đường dây cho giai đoạn 1 của dự án điện gió Trà Vinh số 3 (48 MW). Giai đoạn 1 của dự án dự kiến sẽ hoàn thành trước tháng 10/ 2021.

Ngoài ra, giai đoạn 2 của dự án (48 MW) sẽ được REE triển khai thực hiện trong năm 2021 và dự kiến hoàn thành vào năm 2022. Giai đoạn 2 dự kiến sẽ cần khoảng 1,500 tỷ VNĐ để hoàn thành.

Nhu cầu vốn cho GD 2 của dự án: Công ty sẽ cơ cấu nguồn vốn ở mức 30% vốn – 70% vay, trong đó phần VCSH sẽ sử dụng phần lợi nhuận giữ lại của năm 2020 và lợi nhuận từ các công ty liên kết chưa được thu về, trong đó nhóm công ty liên kết thuộc EVNGENCO 2 quyết định chia toàn bộ lợi nhuận năm 2020.

Quan điểm đầu tư: BSC duy trì khuyến nghị Khả quan cho cổ phiếu REE trong năm 2021. Giá cổ phiếu REE hiện tại đang mức 54,300 VNĐ/CP – thấp hơn mức giá mục tiêu của BSC là 68,500 VND. Với dự phóng kinh doanh doanh thu và LNST năm 2021 của BSC lần lượt là 6,591 tỷ (+16.9% YoY) và 2,045 tỷ VNĐ (+19.4% YoY), BSC cho rằng kế hoạch kinh doanh công ty đặt ra khá tích cực so với các năm trước đó. Hiện tại, giá cổ phiếu REE đang được giao dịch ở mức P/E là 8.3 theo dự phóng của BSC và 9.5 theo kế hoạch của công ty.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	129.4	-0.5%	1.0	2,622	1.8	8,654	15.0	3.8	49.0%	28.4%
PNJ	Bán lẻ	84.5	-0.6%	1.0	835	1.6	4,532	18.6	3.7	49.0%	20.9%
BVH	Bảo hiểm	60.0	1.4%	1.5	1,936	2.3	2,087	28.8	2.2	27.6%	7.9%
PVI	Bảo hiểm	32.5	0.6%	0.5	316	0.1	3,406	9.5	1.0	54.3%	11.1%
VIC	Bất động sản	117.0	3.7%	0.7	17,206	26.1	1,569	74.6	5.1	14.2%	6.7%
VRE	Bất động sản	32.6	-1.4%	1.1	3,221	7.5	1,048	31.1	2.5	30.6%	8.5%
VHM	Bất động sản	96.3	0.1%	1.1	13,773	12.2	8,314	11.6	3.7	22.3%	38.6%
DXG	Bất động sản	24.1	1.7%	1.3	542	7.5	(956)		2.0	33.6%	-7.5%
SSI	Chứng khoán	31.8	1.3%	1.4	893	10.0	2,093	15.2	1.9	41.8%	13.1%
VCI	Chứng khoán	64.8	0.8%	1.0	467	3.7	4,662	13.9	2.4	26.1%	17.9%
HCM	Chứng khoán	31.1	2.1%	1.5	412	3.2	1,738	17.9	2.1	46.3%	12.1%
FPT	Công nghệ	77.1	-0.6%	0.9	2,628	5.1	4,520	17.1	3.8	49.0%	23.8%
FOX	Công nghệ	76.8	-1.4%	0.4	914	0.0	5,165	14.9	4.5	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	89.6	0.1%	1.4	7,456	2.3	4,102	21.8	3.5	2.9%	16.2%
PLX	Dầu khí	55.5	-0.2%	1.5	3,001	2.3	631	87.9	3.2	16.4%	4.4%
PVS	Dầu khí	22.8	1.3%	1.6	474	7.5	1,357	16.8	0.9	9.1%	5.4%
BSR	Dầu khí	16.5	-0.6%	0.8	2,224	7.2	898	18.4	1.5	41.1%	8.5%
DHG	Dược	99.8	0.0%	0.4	567	0.0	5,443	18.3	3.7	54.6%	20.5%
DPM	Hóa chất	19.4	-0.8%	0.7	329	1.1	1,765	11.0	0.9	13.5%	8.6%
DCM	Hóa chất	17.3	-1.4%	0.6	397	1.8	1,017	17.0	1.4	3.4%	8.7%
VCB	Ngân hàng	94.8	-0.5%	1.1	15,287	7.2	4,974	19.1	3.6	23.5%	20.5%
BID	Ngân hàng	42.9	0.7%	1.3	7,493	4.3	1,740	24.6	2.3	17.1%	9.3%
CTG	Ngân hàng	40.4	1.0%	1.4	6,540	19.6	3,678	11.0	1.8	27.4%	16.9%
VPB	Ngân hàng	45.0	1.0%	1.2	4,797	7.2	4,271	10.5	2.1	23.4%	21.9%
MBB	Ngân hàng	28.3	0.2%	1.2	3,444	16.2	2,965	9.5	1.7	23.2%	19.2%
ACB	Ngân hàng	33.3	0.9%	1.0	3,130	11.6	3,557	9.4	2.0	30.0%	24.3%
BMP	Nhựa	58.7	0.0%	0.7	209	0.3	6,386	9.2	1.9	81.4%	21.2%
NTP	Nhựa	36.0	-0.8%	0.5	184	0.0	3,797	9.5	1.6	18.9%	17.3%
MSR	Tài nguyên	20.9	1.5%	0.7	999	0.7	39	535.9	1.6	10.1%	0.3%
HPG	Thép	46.5	0.3%	1.1	6,691	26.9	4,060	11.4	2.6	30.2%	25.2%
HSG	Thép	27.9	0.7%	1.4	538	6.4	3,387	8.2	1.7	7.3%	24.3%
VNM	Tiêu dùng	99.2	0.2%	0.7	9,014	11.2	4,770	20.8	6.6	56.1%	33.9%
SAB	Tiêu dùng	175.0	1.0%	0.8	4,879	0.8	7,064	24.8	5.6	63.0%	24.4%
MSN	Tiêu dùng	88.5	2.8%	0.9	4,520	5.5	1,054	84.0	6.5	32.2%	4.2%
SBT	Tiêu dùng	22.2	0.7%	1.2	596	2.4	946	23.5	1.8	7.9%	7.4%
ACV	Vận tải	74.0	0.1%	0.8	7,004	0.4	3,450	21.4	4.4	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	131.6	0.0%	1.1	2,997	2.9	132		4.6	19.1%	0.5%
HVN	Vận tải	32.6	-0.6%	1.7	2,010	1.4	(7,647)		7.2	9.2%	-88.4%
GMD	Vận tải	33.9	2.6%	0.9	444	6.0	1,133	29.9	1.7	37.8%	5.7%
PVT	Vận tải	17.2	0.6%	1.3	242	1.8	1,953	8.8	1.2	12.6%	13.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	98.8	0.0%	1.0	687	1.1	8,257	12.0	4.1	3.8%	39.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	35.9	4.2%	0.4	700	0.5	1,340	26.8	2.5	6.5%	9.5%
HT1	Vật liệu xây dựng	18.4	0.0%	0.9	305	0.6	1,613	11.4	1.3	3.2%	11.5%
CTD	Xây dựng	73.7	0.3%	1.1	238	1.6	5,769	12.8	0.7	45.3%	5.2%
CII	Xây dựng	25.6	0.2%	0.4	266	3.9	1,030	24.9	1.3	32.0%	5.1%
REE	Điện	53.2	-2.0%	-1.4	715	1.9	5,250	10.1	1.4	49.0%	14.9%
PC1	Điện	28.2	-0.4%	-0.4	234	0.5	2,642	10.7	1.4	11.9%	13.6%
POW	Điện	13.2	0.8%	0.6	1,344	6.6	938	14.1	1.1	3.8%	7.9%
NT2	Điện	22.3	0.2%	0.5	278	0.4	2,095	10.6	1.5	15.3%	14.3%
KBC	Khu công nghiệp	38.6	3.1%	1.1	788	7.8	363	106.2	1.9	21.6%	1.8%
BCM	Khu công nghiệp	57.8	1%	1.0	2,601	0.0			3.8	2.0%	

BSC

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	117.00	3.72	3.77	5.18MLN
MSN	88.50	2.79	0.75	1.44MLN
VIB	46.40	5.57	0.72	1.18MLN
STB	20.50	6.77	0.65	99.98MLN
SSB	26.35	6.90	0.55	1.90MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-0.49	1.75MLN	1.11MLN
VRE	0.00	-0.28	5.26MLN	607060
FPT	0.00	-0.10	1.51MLN	373600
REE	0.00	-0.09	816600	192700
MWG	0.00	-0.09	318600	611640

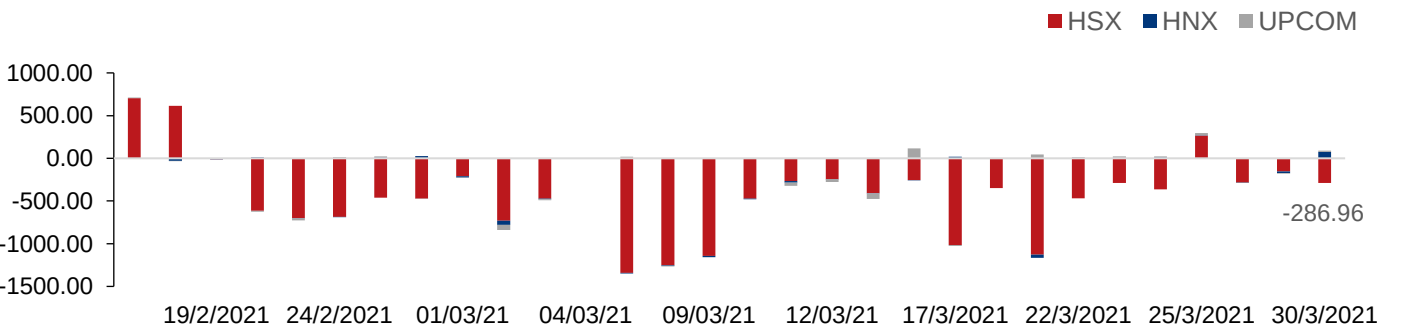
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CLW	31.35	7.00	0.01	700.00
DLG	2.30	6.98	0.01	19.03MLN
ROS	4.76	6.97	0.05	41.40MLN
RIC	19.25	6.94	0.01	17300
LAF	15.45	6.92	0.00	3500

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TIX	29.80	-6.88	-0.02	300
TS4	5.96	-6.88	0.00	284500
CMV	15.60	-6.87	0.00	3500.00
TTE	9.97	-6.82	-0.01	700
VAF	10.25	-6.82	-0.01	80600

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	16.5	1,390	11.8	1.0	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	33.3	3,557	9.4	2.0	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	74.0	3,450	21.4	4.4	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	30.8	4,043	7.6	1.4	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	40.4	3,678	11.0	1.8	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	58.6	13,724	4.3	1.5	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	68.4	5,734	11.9	2.6	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	120.0	5,923	20.3	4.5	Click
10	DPM	Hóa chất	Theo dõi	21/9/20	16.9	18.4	19.4	1,765	11.0	0.9	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	28.9	2,158	13.4	2.0	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	12/11/20	12.7	17.3	24.1	-956		2.0	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	28/9/20	50.3	63.6	77.1	4,520	17.1	3.8	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	33.9	1,133	29.9	1.7	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	43.1	6,277	6.9	2.1	Click
16	HPG	VLXD	Mua	26/2/21	45.4	55.6	46.5	4,060	11.4	2.6	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	27.9	3,387	8.2	1.7	Click
18	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	18.4	1,613	11.4	1.3	Click
19	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	38.6	363	106.2	1.9	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	30.4	2,044	14.9	2.1	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	17.3			1.3	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	36.6	3,258	11.2	1.4	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	88.5	1,054	84.0	6.5	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	129.4	8,654	15.0	3.8	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	23/2/21	25.0	34.6	34.8	3,127	11.1	1.6	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	59.0	7,985	7.4	2.5	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	28.0	1,842	15.2	1.8	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	30/10/20	69.5	80.0	84.5	4,532	18.6	3.7	Click
30	POW	Điện	Mua	16/11/20	10.0	12.0	13.2	938	14.1	1.1	Click
31	PVD	Dầu khí	Theo dõi	1/9/20	11.4	13.5	22.6	0	79.3	0.7	Click
32	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	22.8	1,357	16.8	0.9	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	175.0	7,064	24.8	5.6	Click
36	SBT	Đường	Theo dõi	14/10/20	16.4	18.6	22.2	946	23.5	1.8	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	40.1	3,521	11.4	1.9	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	94.8	4,974	19.1	3.6	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	44.1	4,239	10.4	2.2	Click
41	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	18.1	563	32.2	1.5	Click
42	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	39.0	3,873	10.1	1.4	Click
43	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	99.2	4,770	20.8	6.6	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	96.3	8,314	11.6	3.7	Click
45	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	28.2	943	29.9	2.4	Click
46	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	11.4	875	13.0	1.0	Click
47	GE2	Điện	Mua	20/1/20		25.5					Click
48	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
48	SCS	Hàng Không	Theo dõi	4/1/20	128.5	140.0	130.8	9,182	14.2	7.0	Click
49	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	45.0	4,271	10.5	2.1	Click
50	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	32.6	1,048	31.1	2.5	Click
51	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	85.7	4,105	20.9	7.4	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		X	Click
2	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	X		Click
3	Vietnam Sector Outlook 2021		X	Click
4	Vietnam Macro Market Outlook 2021	X		Click
5	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		X	Click
6	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	X		Click
7	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	X		Click
8	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		X	Click
9	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		X	Click
10	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		X	Click
11	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		X	Click
12	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	X		Click
13	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	X		Click
14	Fishery Outlook 2021		X	Click
15	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	X		Click
16	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		X	Click
17	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	X		Click
18	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	X		Click
19	Chemical sector Outlook 2H.2020		X	Click
20	Banking sector Outlook 2H.2020		X	Click
21	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	X		Click
22	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		X	Click
23	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	X		Click
24	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	X		Click
25	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	X		Click
26	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	X		Click
27	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		X	Click
28	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	X		Click
29	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	X		Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	X		Click
31	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	X		Click
32	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		X	Click
33	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	X		Click
34	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	X		Click
35	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		X	Click
36	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	X		Click
37	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		X	Click
38	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	X		Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	X		Click
40	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	X		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express SBT 2020Q4	29/10/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 18600 ; Giá tại Publish 14500 Dự báo KQKD: Chúng tôi dự báo KQKD SBT ND 2020/21 sẽ đạt DTT và LNST lần lượt là 14,682 tỷ đồng (+13.6% YoY) và LNST là 448 tỷ đồng (+24% YoY), tương đương EPS fw là 738 đồng/cp – PE fw là 19x và PB fw là 1x. Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 79390 ; Giá tại Publish 66000
Express PNJ 2020Q4	22/10/20	Dự báo KQKD: 2020: DTT và LNST đạt lần lượt là 15,995 tỷ đồng (-6.7% YoY) và 917 tỷ đồng (-23% YoY), tương đương EPS fw 2020 là 4,030 đ/cp, PE fw = 16.5x và PB fw = 3x. 2021: DTT và LNST ước tính lần lượt 17,934 tỷ đồng (+12.1% YoY) và 1,024 tỷ đồng (+11.6% YoY) tương đương EPS 2021 fw = 4,478 đ/cp, PE Fw = 14.7x và PB fw = 2.7x. Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 15000 ; Giá tại Publish 11150
Express DXG 2020Q4	8/10/20	Cập nhật KQKD: BSC điều chỉnh dự báo kết quả kinh doanh năm 2020 của DXG với doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ 2020 ước tính lần lượt khoảng 3,730 tỷ đồng (-29.6% YoY) và 350 tỷ đồng (-71% YoY) do ảnh hưởng từ dịch Covid-19 đến mảng dịch vụ và trích lập dự phòng lỗ 526 tỷ từ việc thoái vốn LDG dựa trên giả định bàn giao khoảng 750 sản phẩm Gem Sky World trong Q4/2020. EPS 2020 = 635 đồng/cp. PE 2020FW = 17.2 lần

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639